

Số: 2276/BC-BYT

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO**Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19**
(Từ 16h00 ngày 28/12/2021 đến 16h00 ngày 29/12/2021)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Tổng số ca mắc tới nay gần 282 triệu ca, hơn 5,4 triệu ca tử vong.

Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh (CDC) Mỹ ngày 28/12 cho biết người nhiễm biến chủng Omicron có thời gian ủ bệnh là khoảng 72 giờ. Theo đó, ba ngày kể từ khi nhiễm virus, người bệnh sẽ phát triển triệu chứng, có kết quả dương tính trên kit thử và lây bệnh cho người khác. Khoảng thời gian này ngắn hơn so với 4 đến 6 ngày ở Delta và chủng nCoV ban đầu.

Israel ghi nhận ca tử vong đầu tiên do biến chủng Omicron là một phụ nữ 84 tuổi đã tiêm đủ liều vaccine cũng như mũi tăng cường, nhưng hiện chưa rõ bà có mắc bệnh nền nào không. Trong số 8 bệnh nhân nhiễm Omicron còn lại đang điều trị ở Israel, một nửa chưa được tiêm vaccine, trong đó hai người đang nguy kịch. Bộ Y tế Israel cùng ngày báo cáo 623 ca nhiễm mới chủng Omicron, nâng tổng ca Omicron ở nước này lên 1.741. Trên thế giới mới có 3 quốc gia khác đã ghi nhận ca tử vong do Omicron gồm Anh, Mỹ và Australia.

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 29/12/2021, cả nước ghi nhận 1.694.874 ca mắc, trong đó 1.690.764 ca trong nước. Đến nay đã có 1.302.542 người khỏi bệnh, 31.632 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 1.692.022 ca, trong đó có 1.689.194 ca trong nước (99,8%), 1.299.725 người đã khỏi bệnh (76,8%), 31.597 tử vong tại 51 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày**1. Số ca mắc mới trong ngày**

- Ghi nhận 13.889 ca mắc mới, trong đó 13.873 ca ghi nhận trong nước (giảm 543 ca so với ngày trước đó) tại 60 tỉnh, thành phố.

+ Các địa phương ghi nhận trong ngày: Hà Nội (1.766), Tây Ninh (938), Vĩnh Long (917), Khánh Hòa (793), Hồ Chí Minh (702), Phú Yên (686), Đồng Tháp (595), Bạc Liêu (593), Bình Định (432), Thừa Thiên Huế (390), Lâm Đồng (347), Trà Vinh (337), Quảng Nam (291), Hải Phòng (271), Bắc Ninh (263), Hưng Yên (249), Tiền Giang (214), Đồng Nai (213), Đắk Lắk (213), Thanh Hóa (206), Sóc Trăng (200), Kiên Giang (185), Đà Nẵng (180), Hà Giang (174), An Giang (172), Bình Thuận (159), Quảng Ninh (158), Cần Thơ (137), Hậu Giang (132), Gia Lai (128), Ninh Bình

(120), Đắk Nông (120), Bình Dương (119), Quảng Ngãi (119), Quảng Trị (106), Vĩnh Phúc (98), Bến Tre (92), Hà Nam (92), Nghệ An (88), Nam Định (85), Bắc Giang (81), Long An (59), Sơn La (58), Ninh Thuận (57), Bình Phước (55), Thái Nguyên (54), Bà Rịa - Vũng Tàu (52), Hòa Bình (52), Phú Thọ (51), Thái Bình (42), Kon Tum (40), Lào Cai (37), Tuyên Quang (37), Cà Mau (35), Quảng Bình (31), Yên Bái (21), Hà Tĩnh (12), Điện Biên (7), Cao Bằng (7), Lai Châu (5).

+ Có 16 ca nhập cảnh ghi nhận tại Quảng Trị (9), Hà Tĩnh (2), Tây Ninh (2), Hải Phòng (1), Quảng Bình (1), Quảng Nam (1).

- TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 1.766 ca mắc, trong đó 336 ca sàng lọc tại cơ sở y tế, 647 ca tầm soát trong cộng đồng, 718 ca trong khu cách ly và 65 ca trong khu phong tỏa. Số mắc mới (1.766 ca) được phân bố tại 28 quận, huyện như sau: Hoàng Mai 231, Long Biên 223, Hà Đông 162, Đống Đa 129, Nam Từ Liêm 94, Thanh Xuân 91, Gia Lâm 86, Đông Anh 83, Ba Đình 75, Hai Bà Trưng 70, Ứng Hòa 53, Thanh Trì 52, Tây Hồ 49, Hoàn Kiếm 43, Ba Vì 43, Bắc Từ Liêm 42, Quốc Oai 39, Hoài Đức 36, Cầu Giấy 34, Đan Phượng 31, Chương Mỹ 21, Thanh Oai 18, Sóc Sơn 18, Mê Linh 13, Mỹ Đức 10, Phúc Thọ 8, Thạch Thất 3, Thường Tín 1 và 8 ca đang điều tra.

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày giảm nhiều so với ngày trước: Cần Thơ (giảm 626), Hải Phòng (giảm 326), Hải Dương (giảm 260).

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày tăng so với ngày trước: Phú Yên (tăng 671), Quảng Nam (209), Đắk Lắk (tăng 153).

- Có 1/63 tỉnh (Bắc Kạn) không có lây nhiễm thứ phát trên địa bàn trong 14 ngày qua.

2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng

- Cả nước ghi nhận 8.853 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 63,8% tổng số mắc trong ngày), giảm 452 ca so với ngày trước đó.

+ TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 983 ca cộng đồng (giảm 336 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 42.058 ca.

+ TP. Đà Nẵng: Trong ngày ghi nhận 144 ca cộng đồng (tăng 53 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 10.850 ca.

+ Tỉnh Kiên Giang: Trong ngày ghi nhận 61 ca cộng đồng (tăng 16 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 29.500 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với 7 ngày trước đó: TP. Hà Nội tăng 2.986 ca, Vĩnh Long tăng 1.459 ca; các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm: Bến Tre (giảm 3.950 ca), Cà Mau (giảm 3.825 ca), TP. Hồ Chí Minh (giảm 1.899 ca).

3. Kết quả giám sát điều trị

Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 1.299.725 người đã khỏi bệnh (76,8%), tăng 38.260 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 360.700 trường hợp, trong đó có 7.273 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 5.112; (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 1.141; (3) Thở máy không xâm lấn: 160; (4) Thở máy xâm lấn: 841; (5) EMO: 19.

Trong ngày 28/12, ghi nhận 214 trường hợp tử vong (tăng 10 trường hợp so với ngày trước đó), gồm:

+ Tại TP. Hồ Chí Minh (35) trong đó có 6 ca từ các tỉnh chuyển đến như sau: An Giang (1), Tiền Giang (1), Long An (1), Bình Dương (1), Phú Yên (1), Tây Ninh (1).

+ Tại các tỉnh, thành phố khác: An Giang (15), Tây Ninh (15), Vĩnh Long (15), Đồng Tháp (14), Tiền Giang (14), Đồng Nai (13), Kiên Giang (12), Cần Thơ (12), Sóc Trăng (12), Hà Nội (11), Bình Dương (8), Long An (7), Bến Tre (7), Bình Phước (4), Bình Thuận (4), Hậu Giang (4), Cà Mau (4), Trà Vinh (4), Hải Phòng (1), Lạng Sơn (1), Khánh Hòa (1), Bạc Liêu (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Bộ Y tế tổ chức hội thảo khoa học "Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp giảm tử vong do COVID-19".

- Bộ Y tế xây dựng, ban hành hướng dẫn điều chỉnh định nghĩa ca bệnh COVID-19 (ca bệnh giám sát, ca bệnh xác định, người tiếp xúc gần).

- Bộ Y tế ban hành Công văn số 11011/BYT-KCB ngày 28/12/2021 xét nghiệm để phát hiện người mắc COVID-19 và cho người bệnh ra viện.

- Bộ Y tế tiếp tục chủ động bám sát diễn biến tình hình dịch do chủng mới Omicron gây ra; thường xuyên trao đổi với Tổ chức Y tế thế giới để cập nhật thông tin, kịp thời, chính xác về biến chủng này; Chỉ đạo các địa phương tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch; đặc biệt công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về phòng, chống dịch.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 28/12/2021, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 35.752.995 mẫu cho 78.224.667 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 30.108.493 mẫu tương đương 74.476.728 lượt người, tăng 117.546 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.671.601 mẫu gộp cho 47.174.578 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Từ tháng 3/2021 đến hết ngày 28/12/2021, Việt Nam đã tiếp nhận 188.574.628 liều, cụ thể:

* Theo loại vắc xin:

- + Vắc xin AstraZeneca: 59.707.680 liều
- + Vắc xin Pfizer và Moderna: 73.446.750 liều
- + Vắc xin Sinopharm: 48.761.200 liều
- + Vắc xin Abdala: 5.150.000 liều
- + Sputnik V: 1.508.998 liều

* Theo nguồn vắc xin:

- Nguồn Ngân sách nhà nước: 93.491.690 liều
- + 30.000.000/30.000.000 liều vắc xin mua của AstraZeneca.
- + 38.091.690/51.000.000 liều vắc xin mua của Pfizer.
- + 20.000.000 /20.000.000 liều vắc xin mua của Sinopharm
- + 5.000.000 /5.000.000 liều vắc xin Abdala mua của Cuba.
- + 400.000 liều vắc xin AstraZeneca mua của Chính phủ Hungary.
- Nguồn viện trợ/tài trợ: 95.082.938 liều trong đó (Nguồn viện trợ COVAX: 45.895.820 liều; Nguồn viện trợ Chính phủ các nước: 22.303.720 liều (chiếm khoảng 23,4% số vắc xin viện trợ/tài trợ); Nguồn doanh nghiệp tài trợ: 26.883.398 liều (trong đó Tập đoàn Vạn Thịnh Phát hỗ trợ 25.000.000 liều vắc xin Sinopharm)).

Trong tổng số 188,5 triệu liều vắc xin phòng COVID-19 đã tiếp nhận, Bộ Y tế đã phân bổ 112 đợt với tổng số 175,1 triệu liều, còn khoảng 13,4 triệu liều mới tiếp nhận, đang tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin.

2. Kết quả tiêm chủng

Đến hết ngày 28/12/2021, cả nước đã tiêm được 148.198.862 liều (trong ngày tiêm được 811.888 liều), tỷ lệ sử dụng đạt 85% số vắc xin phân bổ 112 đợt.

Các địa phương, đơn vị đang nỗ lực triển khai tiêm chủng để đạt được độ bao phủ mũi 1 cho những đối tượng trong độ tuổi chỉ định tiêm chủng trong năm 2021, trả mũi 2 cho những người đã tiêm mũi 1 đủ thời gian và bắt đầu triển khai tiêm liều bổ sung, liều nhắc lại.

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 136.419.823 liều, trong đó có 69.906.356 mũi 1; 62.995.874 mũi 2; 1.170.168 mũi 3 (đối với vắc xin Abdala); 844.445 liều bổ sung và 1.502.980 liều nhắc lại . Tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 liều vắc xin là 99,0% và tỷ lệ tiêm đủ 02 liều vắc xin là 89,2% dân số từ 18 tuổi trở lên. Theo khu vực, tỷ lệ này lần lượt ở miền Bắc là 95,7% và 86,0%; miền Trung là 96,7% và 87,6%; Tây Nguyên là 92,4% và 78,6%; miền Nam là 100% và 92,4%.

Tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 liều cho dân số từ 18 tuổi trở lên:

+ 38/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ trên 95%

+ 14/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ từ 90-95%

+ 11/63 tỉnh, thành phố còn lại có tỷ lệ bao phủ dưới 90%, trong đó 05 tỉnh có tỷ lệ bao phủ thấp nhất là Hưng Yên (83,7%), Quảng Bình (85,3%), Kon Tum (85,6%), Lạng Sơn (87,1%), Cao Bằng (88,3%).

Tỷ lệ bao phủ đủ liều vắc xin cho dân số từ 18 tuổi trở lên:

+ 30/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ trên 90%

+ 17/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ đủ 02 liều từ 80 – dưới 90% ;

+ 16/63 tỉnh, thành phố còn lại có tỷ lệ bao phủ đủ 02 liều dưới 80%, trong đó 5 tỉnh có tỷ lệ bao phủ thấp nhất là Sơn La (62,5%), Thái Nguyên (68,6%), Hải Dương (73,9%), Kon Tum (74,9%) và Gia Lai (75,1%).

- Về triển khai tiêm chủng cho đối tượng từ 12-17 tuổi: Các tỉnh, thành phố đã triển khai tiêm được 11.779.039 liều, trong đó có 7.451.674 mũi 1 và 4.327.365 mũi 2. Tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 liều vắc xin là 81,9% và tỷ lệ bao phủ đủ 02 liều vắc xin là 47,5% dân số từ 12 -17 tuổi. Theo khu vực, tỷ lệ này lần lượt ở miền Bắc là 76,3% và 36,0%; miền Trung là 73,9% và 35,4%, Tây Nguyên là 82,3% và 10,9%, Miền Nam là 91,5% và 71,8%.

Các tỉnh thành phố đã cơ bản bao phủ đủ liều cơ bản cho nhóm tuổi này là Hà Nam, Ninh Bình, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Khánh Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Long An, Tây Ninh, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bình Dương, Bạc Liêu, Hậu Giang.

(Chi tiết phân bổ và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

VII. Công tác truy vết: Từ ngày 27/4 đến ngày 29/12/2021, cả nước đã truy vết được 1.299.726 trường hợp F1, trong đó có 1.034.665 trường hợp đã được xét nghiệm.

VIII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

IX. Nhận định

Đến nay, tình hình dịch cơ bản được kiểm soát trên phạm vi toàn quốc. Tuy nhiên, số ca mắc cộng đồng và tử vong tiếp tục gia tăng ở nhiều địa phương trên cả nước do: (i) dịch bệnh đã lưu hành trong cộng đồng, có nguy cơ xuất hiện các ổ dịch mới, có khả năng bùng phát bất cứ lúc nào, nhất là tại các địa phương có mật độ dân cư cao, giao thương, đi lại lớn; ii) thời tiết chuyển mùa Đông-Xuân thuận lợi cho sự phát triển, lây lan của vi rút; iii) gia tăng giao thương đi lại dịp Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán 2022; iv) nguy cơ xâm nhập của biến chủng mới; v) có tâm lý chủ quan, lơ là, mất

cảnh giác của một số đơn vị, người dân trong việc thực hiện quy định về phòng, chống dịch sau một thời gian dài nới lỏng giãn cách xã hội; vi) một số địa phương chưa tổ chức thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch. Thời gian tới, cần tiếp tục tăng cường các biện pháp phòng chống dịch nhất là giám sát phát hiện sớm, tổ chức thu dung, điều trị giảm bệnh nặng, tử vong, tiêm chủng vắc xin; quản lý rủi ro, đặc biệt là nhóm nguy cơ, có bệnh nền chưa được tiêm đầy đủ vắc xin.

X. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Các bộ, ngành, địa phương: (i) Tiếp tục tổ chức thực hiện nghiêm túc, quyết liệt, hiệu quả các nguyên lý, biện pháp, công thức, phương châm phòng chống dịch với 3 trụ cột (cách ly, xét nghiệm, điều trị) và công thức “5K + vắc xin, thuốc điều trị + công nghệ + đề cao ý thức người dân và các biện pháp khác”; (ii) không tổ chức các hoạt động tập trung đông người, nhất là dịp lễ Giáng sinh và Tết Dương lịch 2022; (iii) đẩy mạnh tiến độ tiêm vắc xin tại địa phương khi đã được cung cấp đầy đủ vắc xin, bảo đảm tiến độ theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Y tế; (iv) tiếp tục huy động sự tham gia của cộng đồng, tình nguyện viên trong hỗ trợ tư vấn, chăm sóc, theo dõi người bệnh; (v) tăng cường áp dụng các biện pháp công nghệ để quản lý ca bệnh và điều hành, quản lý dịch bệnh.

2. Về công tác y tế: (i) Tiếp tục theo dõi chặt chẽ tình hình dịch bệnh trong nước; bám sát diễn biến dịch của biến chủng Omicron; (ii) chủ động triển khai thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, BCSĐ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có chỉ đạo về Chương trình tổng thể trong công tác phòng, chống dịch COVID-19 và việc mua, tiêm vắc xin cho trẻ từ 5 tuổi đến dưới 12 tuổi; (iii) thực hiện việc mua, phân bổ vắc xin kịp thời cho các địa phương; hướng dẫn tiêm an toàn, khoa học, hợp lý, hiệu quả, chú trọng tiến độ tiêm vắc xin trong đó chú ý đến việc tiêm mũi 3 và đảm bảo an toàn khi thực hiện tiêm nhắc lại đối với trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi; (iv) dự trữ, phân bổ đủ thuốc điều trị COVID-19, hướng dẫn tổ chức cấp phát thuốc cho người nhiễm vi rút để được điều trị sớm; (v) khẩn trương tiến hành các nội dung trong việc xây dựng kế hoạch mua sắm tập trung trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao theo đúng quy định; (vi) chỉ đạo tăng cường nguồn ô xy phục vụ công tác điều trị; (vii) tăng cường tập huấn, nâng cao trình độ chuyên môn để phát hiện, sàng lọc, điều trị ban đầu, điều trị sớm các trường hợp F0 tại cơ sở, tại nhà; (viii) rà soát, điều chỉnh thời gian cách ly y tế đối với người nhập cảnh cho người phù hợp với diễn biến dịch bệnh.

3. Tiếp tục tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; phòng, chống tham nhũng, lợi ích nhóm trong đấu thầu, mua sắm thuốc, sinh phẩm, vật tư, trang thiết bị y tế, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, khoa học, tránh lãng phí, thất thoát, tiêu cực. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định về phòng, chống dịch.

4. Tiếp tục triển khai đồng bộ các chính sách về an sinh xã hội; nghiên cứu, đề xuất ban hành các chế độ, chính sách hỗ trợ đội ngũ tuyến đầu chống dịch, nhất là đối với các y, bác sỹ và các đối tượng khác nhân dịp Tết năm 2022.

5. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các giải pháp phục hồi, phát triển kinh tế xã hội; mở lại có lộ trình các đường bay quốc tế, bảo đảm an toàn phòng, chống dịch, nhất là trước nguy cơ xâm nhập và lây lan của biến chủng mới.

6. Tiếp tục triển khai các giải pháp về tài chính, kịp thời hướng dẫn, hỗ trợ địa phương sử dụng nguồn lực cho công tác phòng, chống dịch. Chủ động xây dựng kế hoạch bảo đảm kinh phí phòng, chống dịch cho năm 2022.

7. Tiếp tục triển khai hiệu quả công tác dân vận, nắm chắc tình hình tại cơ sở để tham mưu cấp ủy, chính quyền triển khai các biện pháp phòng, chống dịch, tạo điều kiện để nhân dân yên tâm lao động sản xuất, kinh doanh, ổn định cuộc sống và đón Tết năm 2022. Đồng thời, đẩy mạnh triển khai các hoạt động huy động tình nguyện viên, tổ chức tôn giáo...tham gia hỗ trợ công tác phòng, chống dịch tại các địa phương.

8. Đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền để người dân không lơ là, chủ quan; tự giác, tích cực tham gia phòng, chống dịch, chủ động thực hiện các biện pháp bảo vệ bản thân, gia đình và cộng đồng. Đẩy mạnh tuyên truyền phòng, chống dịch trong dịp nghỉ Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán 2022; cung cấp kịp thời các thông tin về biến chủng mới của SARS-CoV-2.

Bộ Y tế kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Xuân Tuyên

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 28/12	Số mắc ngày 29/12	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 29/12	Số tử vong tích lũy đến 28/12
Có lấy nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua:		14.416	13.873	-543	1.688.938	31.597
1	Hồ Chí Minh	671	702	31	501.990	19.760
2	Bình Dương	109	119	10	290.468	3.163
3	Đồng Nai	124	213	89	97.380	1.299
4	Tây Ninh	923	938	15	73.398	614
5	Đồng Tháp	610	595	-15	43.021	523
6	Long An	57	59	2	40.244	808
7	Cần Thơ	763	137	-626	40.288	553
8	Hà Nội	1920	1.766	-154	42.058	109
9	Tiền Giang	188	214	26	33.270	891
10	Cà Mau	184	35	-149	32.709	143
11	An Giang	191	172	-19	31.903	915
12	Khánh Hòa	790	793	3	31.418	159
13	Vĩnh Long	911	917	6	30.450	302
14	Sóc Trăng	229	200	-29	29.563	308
15	Kiên Giang	250	185	-65	29.500	499
16	Bạc Liêu	485	593	108	28.631	237
17	BRVT	0	52	52	25.988	147
18	Bình Thuận	286	159	-127	25.406	272
19	Bến Tre	72	92	20	25.247	173
20	Bình Phước	24	55	31	20.305	54
21	Trà Vinh	585	337	-248	20.124	117
22	Bình Định	436	432	-4	14.705	53
23	Hậu Giang	95	132	37	12.366	40
24	T.T.Huế	362	390	28	12.486	12
25	Đắc Lắc	60	213	153	11.282	61
26	Đà Nẵng	135	180	45	10.850	77
27	Bắc Ninh	434	263	-171	10.905	16
28	Lâm Đồng	365	347	-18	8.700	22
29	Bắc Giang	43	81	38	7.739	14
30	Thanh Hóa	346	206	-140	7.677	11
31	Nghệ An	79	88	9	7.535	34
32	Hải Phòng	597	271	-326	7.436	8
33	Hà Giang	140	174	34	7.060	6
34	Gia Lai	128	128	0	6.836	15
35	Phú Yên	15	686	671	6.991	43
36	Ninh Thuận	47	57	10	5.652	51
37	Quảng Nam	82	291	209	5.725	15
38	Quảng Ngãi	140	119	-21	5.484	23
39	Đắc Nông	47	120	73	4.811	12
40	Hưng Yên	195	249	54	4.715	2
41	Quảng Bình	23	31	8	3.554	7
42	Nam Định	85	85	0	3.221	1
43	Phú Thọ	57	51	-6	2.946	3
44	Quảng Ninh	182	158	-24	2.989	1

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 28/12	Số mắc ngày 29/12	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 29/12	Số tử vong tích lũy đến 28/12
45	Vĩnh Phúc	97	98	1	2.856	6
46	Thái Bình	59	42	-17	2.549	
47	Hải Dương	260	-	-260	2.479	1
48	Hà Nam	96	92	-4	2.279	
49	Quảng Trị	50	106	56	2.056	2
50	Thái Nguyên	48	54	6	1.697	
51	Hà Tĩnh	8	12	4	1.531	5
52	Lạng Sơn	59	-	-59	1.480	6
53	Hòa Bình	50	52	2	1.347	3
54	Tuyên Quang	25	37	12	1.019	
55	Sơn La	51	58	7	1.013	
56	Kon Tum	52	40	-12	924	
57	Điện Biên	4	7	3	558	
58	Yên Bái	18	21	3	528	
59	Cao Bằng	44	7	-37	458	1
60	Lào Cai	18	37	19	483	
61	Ninh Bình	0	120	120	554	
62	Lai Châu	12	5	-7	101	
14 ngày qua không có lây nhiễm thứ phát tại địa phương:		0	0	0	54	0
1	Bắc Kạn				54	
Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:					202	-
	BVND TW				96	
	BV K				106	
	Tổng cộng	14.416	13.873	-543	1.689.194	31.597

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 28/12/2021)

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bố 112 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala)	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bố 112 đợt
1	Hà Nội	15.641.202	6.117.437	5.810.657	0	142.625	68.187	675.905	396.778	13.211.589	84,5%
2	Hải Phòng	3.510.570	1.641.420	1.411.406	0	2	920	147.805	25.028	3.226.581	91,9%
3	Thái Bình	2.615.010	1.139.066	1.060.299	87.680	27.140	34.398	147.260	105.474	2.601.317	99,5%
4	Nam Định	2.577.520	1.127.433	1.074.661	0	0	442	53.953	1	2.256.490	87,5%
5	Hà Nam	1.490.330	576.299	561.667	0	3.648	2.998	70.788	67.100	1.282.500	86,1%
6	Ninh Bình	1.423.950	636.194	622.073	0	0	6.938	82.166	76.878	1.424.249	100,0%
7	Thanh Hoá	6.099.300	2.386.729	2.150.181	168.432	0	0	244.562	2.414	4.952.318	81,2%
8	Bắc Giang	3.086.140	1.271.301	1.118.956	0	40.310	30.780	142.494	71.943	2.675.784	86,7%
9	Bắc Ninh	2.521.660	1.109.140	1.045.605	0	7.747	10.873	114.529	99.953	2.387.847	94,7%
10	Phú Thọ	2.019.230	962.604	855.298	0	1.506	0	124.341	51.330	1.995.079	98,8%
11	Vĩnh Phúc	1.952.830	784.254	693.192	0	0	0	56.306	267	1.534.019	78,6%
12	Hải Dương	2.994.560	1.209.032	970.040	0	0	29.182	64.341	16	2.272.611	75,9%
13	Hưng Yên	1.978.902	811.041	764.245	0	0	1.408	105.335	75.515	1.757.544	88,8%
14	Thái Nguyên	2.118.320	881.581	643.926	6.956	6.002	17.413	39.294	1	1.595.173	75,3%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 112 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala)	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 112 đợt
15	Bắc Cạn	514.070	205.611	177.760	0	0	0	19.795	2.021	405.187	78,8%
16	Quảng Ninh	2.625.718	972.181	917.070	0	0	32.139	119.421	110.336	2.151.147	81,9%
17	Hoà Bình	1.312.240	523.407	448.884	0	0	0	73.751	29.506	1.075.548	82,0%
18	Nghệ An	5.034.440	1.926.769	1.776.961	421.763	21.240	125.506	281.138	8.218	4.561.595	90,6%
19	Hà Tĩnh	2.006.830	794.099	675.126	0	73.290	65.691	109.982	28.912	1.747.100	87,1%
20	Lai Châu	672.970	251.050	236.476	0	1.512	7.861	49.886	42.857	589.642	87,6%
21	Lạng Sơn	1.312.540	485.994	473.032	0	0	6.827	65.412	61.111	1.092.376	83,2%
22	Tuyên Quang	1.283.540	549.791	452.293	0	0	19.855	1.399	27.208	1.050.546	81,8%
23	Hà Giang	1.438.650	471.158	407.820	0	0	2.844	80.149	35.399	997.370	69,3%
24	Cao Bằng	767.340	325.699	278.191	0	353	12.533	42.726	35.824	695.326	90,6%
25	Yên Bái	1.273.780	496.752	476.103	0	0	0	76.206	50.646	1.099.707	86,3%
26	Lào Cai	1.228.920	497.820	410.138	0	3.250	8.908	25.485	58.988	1.004.589	81,7%
27	Sơn La	1.562.870	757.343	495.454	506	0	10.701	83.711	25.134	1.372.849	87,8%
28	Điện Biên	849.720	326.471	266.092	0	0	0	57.119	1.334	651.016	76,6%
Cộng miền Bắc		71.913.152	29.237.676	26.273.606	685.337	328.625	496.404	3.155.259	1.490.192	61.667.099	85,8%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 112 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala)	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 112 đợt
29	Quảng Bình	1.210.710	522.149	485.611	0	0	0	62.237	11.292	1.081.289	89,3%
30	Quảng Trị	1.031.272	424.113	394.771	7.982	3.894	318	26.615	1.531	859.224	83,3%
31	TT- Huế	1.913.436	771.673	709.862	0	842	5.753	100.869	84.541	1.673.540	87,5%
32	Tp. Đà Nẵng	1.977.212	857.930	803.105	0	467	0	99.869	96.182	1.857.553	93,9%
33	Quảng Nam	2.645.380	1.025.753	946.431	28.204	0	624	95.660	89	2.096.761	79,3%
34	Quảng Ngãi	1.961.734	823.356	738.161	0	0	0	70.916	519	1.632.952	83,2%
35	Bình Định	2.492.300	1.028.262	876.729	20.168	0	1.748	82.815	8	2.009.730	80,6%
36	Phú Yên	1.441.394	613.861	560.171	0	0	0	82.067	23.826	1.279.925	88,8%
37	Khánh Hòa	2.409.390	954.000	907.153	0	7.493	13.227	113.508	104.319	2.099.700	87,1%
38	Ninh Thuận	1.097.590	427.418	386.230	0	15.763	17.568	57.928	48.930	953.837	86,9%
39	Bình Thuận	2.252.440	908.631	766.650	0	0	315	50.857	32.653	1.759.106	78,1%
Cộng miền Trung		20.432.858	8.357.146	7.574.874	56.354	28.459	39.553	843.341	403.890	17.303.617	84,7%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bố 112 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala)	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bố 112 đợt
40	Kon Tum	834.830	318.813	279.064	934	0	0	47.874	2.585	649.270	77,8%
41	Gia Lai	2.357.212	918.916	718.768	46.649	0	1.028	143.075	13.215	1.841.651	78,1%
42	Đắc Lắc	2.945.840	1.223.500	1.048.150	0	0	0	166.142	323	2.438.115	82,8%
43	Đắk Nông	1.010.820	399.840	387.578	0	0	0	67.115	39.870	894.403	88,5%
Cộng Tây Nguyên		7.148.702	2.861.069	2.433.560	47.583	0	1.028	424.206	55.993	5.823.439	81,5%
44	TP. HCM	18.221.350	7.382.682	6.516.262	0	200.691	462.009	675.804	619.983	15.857.431	87,0%
45	BR-VT	2.367.180	959.975	859.019	0	0	0	108.355	47.047	1.974.396	83,4%
46	Đồng Nai	5.770.900	2.710.455	2.310.214	0	0	16.008	176.175	125.467	5.338.319	92,5%
47	Tiền Giang	3.469.060	1.302.646	1.245.319	135.541	13.430	32.138	154.311	143.552	3.026.937	87,3%
48	Long An	3.697.840	1.489.639	1.424.718	0	448	0	165.588	134.266	3.214.659	86,9%
49	Lâm Đồng	2.512.794	966.579	925.331	0	1.357	26.988	132.132	102.612	2.154.999	85,8%
50	Tây Ninh	2.432.350	866.838	808.142	10.161	8.430	98.816	87.955	84.176	1.964.518	80,8%
51	Cần Thơ	2.472.938	916.744	974.850	5.815	0	0	104.007	40.241	2.041.657	82,6%
52	Sóc Trăng	2.487.850	887.380	774.990	0	0	0	109.271	78.429	1.850.070	74,4%
53	An Giang	3.628.572	1.348.865	1.320.515	179.577	65.696	27.476	194.789	148.660	3.285.578	90,5%
54	Bến Tre	2.501.940	987.562	937.842	0	53.443	96.521	105.651	85.522	2.266.541	90,6%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 112 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala)	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 112 đợt
55	Trà Vinh	1.800.180	787.383	576.883	0	0	0	85.371	78.647	1.528.284	84,9%
56	Vĩnh Long	2.065.900	766.881	735.467	0	21.315	51.006	91.047	86.162	1.751.878	84,8%
57	Đồng Tháp	3.225.040	1.237.772	1.176.431	148	92.018	59.989	142.544	103.016	2.811.918	87,2%
58	Bình Dương	5.605.070	2.379.843	1.878.323	0	0	31.352	175.857	131.977	4.597.352	82,0%
59	Bình Phước	1.950.140	749.454	719.038	0	0	0	106.886	29.782	1.605.160	82,3%
60	Kiên Giang	3.406.770	1.225.185	1.106.859	49.652	0	0	137.974	73.734	2.593.404	76,1%
61	Cà Mau	2.089.840	759.971	827.655	0	0	0	113.123	111.736	1.812.485	86,7%
62	Bạc Liêu	1.674.100	563.844	547.251	0	30.533	51.898	87.986	83.584	1.365.096	81,5%
63	Hậu Giang	1.417.010	529.829	493.192	0	0	0	74.042	68.697	1.165.760	82,3%
Cộng miền Nam		72.796.824	28.819.527	26.158.301	380.894	487.361	954.201	3.028.868	2.377.290	62.206.442	85,5%

Ghi chú:

- 12,3 triệu liều vắc xin đợt 105-110 mới có Quyết định phân bổ ngày 20-21/12/2021; 8,3 triệu liều vắc xin đợt 111-112 mới có Quyết định phân bổ ngày 27/12/2021 các địa phương, đơn vị đang tiếp nhận vắc xin => tỷ lệ sử dụng vắc xin/số vắc xin phân bổ của một số tỉnh, thành phố được phân bổ nhiều vắc xin các đợt này thấp.

- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1/mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.
- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 56.390 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát và Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam...), số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.
- Bộ Quốc phòng được cấp 1.296.330 liều, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.102.308 liều, trong đó có 574.568 mũi 1, 517.841 mũi 2 và 9.899 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh. (Tổng số liều tiêm cho lực lượng Quốc phòng khoảng 1,13 triệu liều)
- Bộ Công an được cấp 1.132.680 liều (315.600 liều vắc xin Pfizer được phân bổ ngày 21/12/2021), đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 95.957 liều, trong đó có 56.370 mũi 1, 37.692 mũi 2 và 1.895 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh (Tổng số liều tiêm cho lực lượng Công an khoảng 771.000 liều)

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 28/12/2021)

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 112 đợt	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ 02 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm liều nhắc lại/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ 02 liều/dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	6.200.000	778.075	13.211.589	84,5%	98,7%	93,7%	1,1%	86,9%	51,0%
2	Hải Phòng	1.580.000	184.643	3.226.581	91,9%	100,0%	100,0%	0,1%	80,0%	13,6%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	2.601.317	99,5%	91,5%	85,2%	2,8%	98,2%	70,3%
4	Nam Định	1.272.614	122.612	2.256.490	87,5%	88,6%	84,4%	0,0%	44,0%	0,0%
5	Hà Nam	612.219	66.512	1.282.500	86,1%	94,1%	91,7%	0,5%	100,0%	100,0%
6	Ninh Bình	665.715	81.762	1.424.249	100,0%	95,6%	93,4%	1,0%	100,0%	94,0%
7	Thanh Hoá	2.605.729	417.252	4.952.318	81,2%	91,6%	82,5%	0,0%	58,6%	0,6%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 112 đợt	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ 02 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm nhắc lại/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ 02 liều/dân số từ 12-17 tuổi
8	Bắc Giang	1.267.538	145.967	2.675.784	86,7%	100,0%	88,3%	2,4%	97,6%	49,3%
9	Bắc Ninh	985.257	128.062	2.387.847	94,7%	100,0%	100,0%	1,1%	89,4%	78,1%
10	Phú Thọ	1.029.489	150.531	1.995.079	98,8%	93,5%	83,1%	0,0%	82,6%	34,1%
11	Vĩnh Phúc	810.197	126.825	1.534.019	78,6%	96,8%	85,6%	0,0%	44,4%	0,2%
12	Hải Dương	1.311.799	166.013	2.272.611	75,9%	92,2%	73,9%	2,2%	38,8%	0,0%
13	Hưng Yên	992.340	106.324	1.757.544	88,8%	83,7%	77,0%	0,1%	99,1%	71,0%
14	Thái Nguyên	938.660	100.121	1.595.173	75,3%	93,9%	68,6%	1,9%	39,2%	0,0%
15	Bắc Cạn	222.390	26.584	405.187	78,8%	92,5%	79,9%	0,0%	74,5%	7,6%
16	Quảng Ninh	1.013.446	118.979	2.151.147	81,9%	95,9%	90,5%	3,2%	100,0%	92,7%
17	Hoà Bình	570.146	80.462	1.075.548	82,0%	91,8%	78,7%	0,0%	91,7%	36,7%
18	Nghệ An	1.960.668	316.527	4.561.595	90,6%	98,3%	90,6%	6,4%	88,8%	2,6%
19	Hà Tĩnh	892.702	122.133	1.747.100	87,1%	89,0%	75,6%	7,4%	90,1%	23,7%
20	Lai Châu	282.600	58.294	589.642	87,6%	88,8%	83,7%	2,8%	85,6%	73,5%
21	Lạng Sơn	558.242	72.812	1.092.376	83,2%	87,1%	84,7%	1,2%	89,8%	83,9%
22	Tuyên Quang	535.735	71.916	1.050.546	81,8%	100,0%	84,4%	3,7%	1,9%	37,8%
23	Hà Giang	503.846	105.690	997.370	69,3%	93,5%	80,9%	0,6%	75,8%	33,5%
24	Cao Bằng	368.973	46.352	695.326	90,6%	88,3%	75,4%	3,4%	92,2%	77,3%
25	Yên Bái	510.271	79.369	1.099.707	86,3%	97,4%	93,3%	0,0%	96,0%	63,8%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 112 đợt	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ 02 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm liều nhắc lại/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ 02 liều/dân số từ 12-17 tuổi
26	Lào Cai	476.939	87.148	1.004.589	81,7%	100,0%	86,0%	1,9%	29,2%	67,7%
27	Sơn La	792.702	149.636	1.372.849	87,8%	95,5%	62,5%	1,3%	55,9%	16,8%
28	Điện Biên	336.229	74.955	651.016	76,6%	97,1%	79,1%	0,0%	76,2%	1,8%
Cộng miền Bắc		30.541.446	4.135.556	61.667.099	85,8%	95,7%	86,0%	1,6%	76,3%	36,0%
29	Quảng Bình	611.974	84.194	1.081.289	89,3%	85,3%	79,4%	0,0%	73,9%	13,4%
30	Quảng Trị	463.442	69.712	859.224	83,3%	91,5%	85,2%	0,1%	38,2%	2,2%
31	TT- Huế	779.911	93.101	1.673.540	87,5%	98,9%	91,0%	0,7%	100,0%	90,8%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	100.000	1.857.553	93,9%	96,9%	90,7%	0,0%	99,9%	96,2%
33	Quảng Nam	1.095.712	127.769	2.096.761	79,3%	93,6%	86,4%	0,1%	74,9%	0,1%
34	Quảng Ngãi	883.502	134.241	1.632.952	83,2%	93,2%	83,5%	0,0%	52,8%	0,4%
35	Bình Định	1.110.818	153.866	2.009.730	80,6%	92,6%	78,9%	0,2%	53,8%	0,0%
36	Phú Yên	616.333	86.632	1.279.925	88,8%	99,6%	90,9%	0,0%	94,7%	27,5%
37	Khánh Hòa	901.731	113.994	2.099.700	87,1%	100,0%	100,0%	1,5%	99,6%	91,5%
38	Ninh Thuận	428.346	62.771	953.837	86,9%	99,8%	90,2%	4,1%	92,3%	78,0%
39	Bình Thuận	865.494	114.389	1.759.106	78,1%	100,0%	88,6%	0,0%	44,5%	28,5%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 112 đợt	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ 02 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm nhắc lại/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ 02 liều/dân số từ 12-17 tuổi
Cộng miền Trung		8.642.333	1.140.669	17.303.617	84,7%	96,7%	87,6%	0,5%	73,9%	35,4%
40	Kon Tum	372.446	65.900	649.270	77,8%	85,6%	74,9%	0,0%	72,6%	3,9%
41	Gia Lai	956.614	165.730	1.841.651	78,1%	96,1%	75,1%	0,1%	86,3%	8,0%
42	Đắk Lắk	1.362.176	215.220	2.438.115	82,8%	89,8%	76,9%	0,0%	77,2%	0,2%
43	Đắk Nông	404.872	68.900	894.403	88,5%	98,8%	95,7%	0,0%	97,4%	57,9%
Cộng Tây Nguyên		3.096.108	515.750	5.823.439	81,5%	92,4%	78,6%	0,0%	82,3%	10,9%
44	TP. HCM	7.208.800	742.368	15.857.431	87,0%	100,0%	90,4%	6,4%	91,0%	83,5%
45	BR-VT	891.244	117.755	1.974.396	83,4%	100,0%	96,4%	0,0%	92,0%	40,0%
46	Đồng Nai	2.384.309	295.738	5.338.319	92,5%	100,0%	96,9%	0,7%	59,6%	42,4%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.825	3.026.937	87,3%	100,0%	95,7%	2,5%	100,0%	90,4%
48	Long An	1.361.733	167.662	3.214.659	86,9%	100,0%	100,0%	0,0%	98,8%	80,1%
49	Lâm Đồng	901.167	132.000	2.154.999	85,8%	100,0%	100,0%	3,0%	100,1%	77,7%
50	Tây Ninh	977.624	88.220	1.964.518	80,8%	88,7%	82,7%	10,1%	99,7%	95,4%
51	Cần Thơ	941.769	100.509	2.041.657	82,6%	100,0%	100,0%	0,0%	100,0%	40,0%
52	Sóc Trăng	861.361	110.630	1.850.070	74,4%	100,0%	90,0%	0,0%	98,8%	70,9%
53	An Giang	1.457.127	188.268	3.285.578	90,5%	92,6%	90,6%	1,9%	100,0%	79,0%
54	Bến Tre	980.652	104.446	2.266.541	90,6%	100,0%	95,6%	9,8%	100,0%	81,9%
55	Trà Vinh	734.794	87.422	1.528.284	84,9%	100,0%	78,5%	0,0%	97,7%	90,0%
56	Vĩnh Long	769.026	87.313	1.751.878	84,8%	99,7%	95,6%	6,6%	100,0%	98,7%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 112 đợt	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ 02 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm lại/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ 02 liều/dân số từ 12-17 tuổi
57	Đồng Tháp	1.181.264	155.495	2.811.918	87,2%	100,0%	99,6%	5,1%	91,7%	66,3%
58	Bình Dương	2.381.252	150.950	4.597.352	82,0%	99,9%	78,9%	1,3%	100,0%	87,4%
59	Bình Phước	758.594	131.058	1.605.160	82,3%	98,8%	94,8%	0,0%	81,6%	22,7%
60	Kiên Giang	1.248.338	189.132	2.593.404	76,1%	98,1%	88,7%	0,0%	73,0%	39,0%
61	Cà Mau	857.571	142.451	1.812.485	86,7%	88,6%	96,5%	0,0%	79,4%	78,4%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	1.365.096	81,5%	98,5%	95,6%	9,1%	96,9%	92,0%
63	Hậu Giang	536.163	70.423	1.165.760	82,3%	98,8%	92,0%	0,0%	100,0%	97,5%
Cộng miền Nam		28.305.977	3.311.487	62.206.442	85,5%	100,0%	92,4%	3,4%	91,5%	71,8%

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại TP. Hồ Chí Minh; Bình Dương và Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Tính đến hết 27/12, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 9.688.000 cuộc gọi (ngày 27/12 đã tiếp nhận và xử lý hơn 15 nghìn cuộc gọi).

17/12	18/12	19/12	20/12	21/12	22/12	23/12	24/12	25/12	26/12	27/12
1307 9	1149 1	1002 0	1271 8	1251 5	1577 9	13.99 9	1323 1	1181 9	1172 9	1533 9

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5 – 27/12 đã tiếp nhận gần 308 nghìn cuộc (ngày 27/12 đã tiếp nhận 107 cuộc). Thực hiện cuộc gọi ra: từ 18/5 – 27/12 đã thực hiện hơn 7,43 triệu cuộc gọi ra (từ 02/11- 27/12 không thực hiện gọi ra).

Tiêu chí	18/12	19/12	20/12	21/12	22/12	23/12	24/12	25/12	26/12	27/12
Cuộc gọi đến	153	134	125	164	161	132	154	110	115	107

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC- Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 32.581.770 32.509.717 (+72 ngàn so với 27/12, tăng 17.218 ngàn so với 28/4 – bắt đầu đợt dịch thứ 4), chiếm 33,96% dân số, 48,86% số điện thoại thông minh.

2.2 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 147.271.053

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 137.549.316

- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 93,57%

- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 31.187.183

- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

2.3 Triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến

Trung tâm công nghệ phòng chống Covid-19 Quốc gia đã phối hợp cùng triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến tại một số địa phương: Tây Ninh; Bình Dương; Bắc Giang; Đồng Nai; Đồng Tháp; Cần Thơ; Vĩnh Long; Bà Rịa – Vũng Tàu... và 26 địa phương khác cũng đang trong quá trình tập huấn để chuẩn bị triển khai. Một số địa phương triển khai dữ liệu xét nghiệm tốt và có hiệu quả, điển hình là tỉnh Tây Ninh. Trên 90% dữ liệu kết quả xét nghiệm của Tây Ninh được số hoá trên Nền tảng, sẵn sàng chia sẻ và sử dụng.

- Tổng số mẫu nhập vào nền tảng hỗ trợ lấy mẫu là 12.482.720 (tăng 129.672 người)

- Tổng số mẫu các địa phương nhập vào nền tảng cụ thể: 129.672 người

Bắc Giang 83.758

Hà Nội 9.494

Đồng Nai 9.298

Thừa Thiên Huế 8.543

Quảng Bình 6.776

Cà Mau 2.179

Yên Bái 2.590

Sóc Trăng 1.639

Thái Nguyên 858

Bình Dương 1.357

Đồng Tháp 931

An Giang 795

Khánh Hòa 501

Bắc Ninh 430

Bình Phước 365

Hà Giang 32

Lào Cai 28

Vĩnh Phúc 44

Đắk Nông 14

Trà Vinh 28

Quảng Ninh 4

Tây Ninh 4

Hồ Chí Minh 2

Bình Định 2

- Tổng số kết quả xét nghiệm trả qua Bluezone/PCCovid của các tỉnh 4.589.410 (tăng 44.712 người)

Quảng Ninh 2.120

Hải Dương 349

Bình Thuận 57

Bãi Cháy 168

TPHCM 3.680
 Bệnh viện đa khoa Quảng Ninh 455
 Bình Định 4
 Yên Bái 903
 Bệnh viện Quy Hòa 10
 Lào Cai 25
 Thái Nguyên 186
 An Giang 356
 Bắc Giang 24.195
 Bình Dương 1.190
 Bình Phước 7
 Cà Mau 557
 Đồng Nai 3.143
 Đồng Tháp 134
 Hà Nội 1146
 Khánh Hòa 8
 Quảng Bình 416
 Sóc Trăng 323
 Thừa Thiên Huế 628
 Tiền Giang 67
 Trà Vinh 28
 Vĩnh Phúc 12
 Bệnh viện ĐK Tư nhân Hùng Vương 2
 TTYT Thanh Thủy - Phú Thọ 2
 Phòng khám đa khoa An Phúc - Trà Vinh 218
 Bệnh viện sản nhi TWG Long An 32
 Phòng khám đa khoa Bắc Hà - Bắc Ninh 27
 SOVICO 3.043
 Bệnh viện Hồng Ngọc 1.215
 Bệnh viện đa khoa Hà Đông 6

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.
- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...

II. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 27/12/2021 đến 16h00 ngày 28/12/2021:

- Tổng xuất nhập cảnh: 3.750 lượt người (nhập cảnh: 1.678, xuất cảnh: 2.072).

- + Tuyên VN-TQ: 1.115 lượt người (nhập cảnh: 457, xuất cảnh: 658).
- + Tuyên VN-Lào: 2.245 lượt người (nhập cảnh 1.122, xuất cảnh: 1.123).
- + Tuyên VN-CPC: 390 lượt người (nhập cảnh 99; xuất cảnh: 291).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 460 người trong đó:
 - + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 296 người (VN-TQ: 12, VN-Lào: 165, VN-CPC: 119).
 - + Số người nhập cảnh trái phép: 82 người (VN-TQ: 17; VN-Lào: 13, VN-CPC: 52).
 - + Số người trao trả: 04 người (VN-TQ: 04; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

III. Bộ Công an

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 26/12/2021 tới ngày 27/12/2021:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 1.048 lượt người (nhập cảnh: 727 lượt người; xuất cảnh: 321 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 1.796 lượt người (nhập cảnh: 1.055 lượt người; xuất cảnh: 741 lượt người).

IV. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 29/12, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 71 tin/bài tiếng Việt; 134 ảnh trong nước và quốc tế; 38 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm Thông tin tư liệu và Đồ họa thực hiện nhiều đồ họa cập nhật diễn biến dịch bệnh; công tác tiêm vaccine phòng COVID-19...

Các đơn vị thông tin và Cơ quan thường trú tại các địa phương của TTXVN cập nhật chỉ đạo của Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống dịch COVID-19 về công tác phòng, chống dịch, nhất là với nguy cơ xuất hiện biến chủng mới Omicron; đẩy mạnh vaccine phòng bệnh cho toàn dân; cập nhật tình hình dịch bệnh, các quy định nới lỏng giãn cách, khôi phục kinh tế, nhất là nối lại giao thông liên tỉnh; phản ánh nỗ lực của các địa phương trong công tác ứng phó dịch gia tăng; tiếp tục khuyến cáo người dân không chủ quan, lơ là trong công tác phòng, chống dịch; thực hiện tốt hướng dẫn của ngành y tế để phòng chống dịch bệnh COVID-19...

Về thông tin quốc tế, các Cơ quan thường trú ngoài nước phối hợp với các đơn vị của TTXVN thông tin cập nhật tình hình dịch bệnh với một số thông tin đáng chú ý: Nhiều nước ghi nhận số ca mắc mới cao chưa từng thấy; WHO khẳng định nguy cơ liên quan biến thể Omicron vẫn rất cao; Mỹ dỡ bỏ cảnh báo đi lại với 8 nước miền Nam châu Phi, nâng cảnh báo đối với 4 nước; Nga chuẩn bị ứng phó với diễn biến xấu; Các nghiên cứu về dịch bệnh; Thế giới đánh giá về công tác tiêm chủng của Việt Nam...